

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nông.

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 10-01-2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm T, sinh năm 1990; thường trú: Số 4/6 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở: Số 153/4 Thích Quảng Đ, khu dân cư C, thành phố T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; thường trú: Số 4/6 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-10-2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm T và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 195 ngày 17-12-2015. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu

thuần là do anh T không giành thời gian chăm sóc gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, luôn bất đồng quan điểm làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không thể tiếp tục sống chung nên chị đã chuyển về sống cùng gia đình tại phường C, thành phố T, tỉnh B từ tháng 7/2017 đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-9-2014. Hiện nay cháu Diệp đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2019 bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị T đã cung cấp cho Tòa án về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung của vợ chồng. Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 04-9-2014. Hiện nay cháu D đang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào **Điều 228 và Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Cẩm T khởi kiện anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn và nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm T và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 195 ngày 17-12-2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh T không giành thời gian chăm sóc gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế, luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên chị đã chuyển về sinh sống cùng gia đình tại phường C, thành phố T, tỉnh B từ tháng 7/2017 đến nay và yêu cầu được ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị T và anh T đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-9-2014 hiện đang sống với mẹ, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu D hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu sống cùng chị T vẫn phát triển tốt, tại biên bản lấy lời khai anh T đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Cẩm T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 04-9-2014 cho chị Bùi Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị T và anh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027963, ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân